**TIẾT: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI.**

**Ngày soạn: / / /**

**Gv soạn:**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Hs nhớ được khái niệm phép đối, các kiểu đối…

- Nhận biết, phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp đối.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực vận dụng cách trình bày theo các kiểu đoạn văn.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực xác định, phân tích đặc điểm của biện pháp tu từ đối.

- Năng lực phân tích, chỉ ra sự phù hợp của việc lựa chọn, sử dụng từ ngữ, cụm từ, câu văn sao cho cân xứng về âm thanh, nhịp điệu, về đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS có ý thức ham học, nghiêm túc, tích cực, ý thức sử dụng ngôn ngữ đúng, ý thức trau dồi tiếng Việt trong giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***I. Khởi động.***  \* HS tham gia trả lời bài tập: Chỉ ra các biện pháp tu từ và phân tích tác dụng trong đoạn ca dao sau: “Khăn thương nhớ ai?......Khăn vắt lên vai”  *\** GV dẫn dắt vào bài học mới*:*  ***II. Hoạt động giới thiệu tri thức liên quan***  **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ­- GV hướng dẫn HS đọc phần Kiến thức Ngữ văn (trang 36,37/SGK) và trả lời câu hỏi:  *+ Biện pháp tu từ đối là gì?*  *+ Có những kiểu đối nào?*  *+ Biện pháp đối còn được sử dụng phổ biến ở đâu?*  *+ Đối trên những phương diện nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Khởi động**  - Các biện pháp nghệ thuật: Câu hỏi tu từ, điệp, nhân hoá, đối  -> Tác dụng => tạo âm hưởng da diết   * khiến cho câu thơ giàu hình * nỗi nhớ cồn cào, đứng ngồi không yên   *Các em đã được học rất nhiều các biện pháp tu từ như: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, liệt kê, chơi chữ… Và phép đối cũng là một trong những biện pháp tu từ quan trọng góp phần làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản văn học. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ quay trở lại làm các bài tập thực hành , nhận diện và phân tích hiệu quả biểu đạt của biện pháp đó.*  **II. Một số tri thức liên quan**  **1. Biện pháp tu từ đối**  **a**. **Khái niệm**: Đối là biện pháp tu từ, theo đó, người viết (người nói) xếp đặt những từ ngữ hoặc câu có đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp tương tự hoặc tương phản nhau ở những vị trí đối xứng trong câu hoặc trong văn bản để gợi ra một nội dung hoàn chỉnh, làm nổi bật một ý nghĩa nhất định.  **b. Các kiểu đối:**  + Biện pháp đối thường được thực hiện giữa hai dòng thơ hoặc hai câu văn, gọi là trường đối (bình đối).  + Biện pháp đối được thực hiện giữa các từ ngữ trong một dòng thơ hoặc một câu văn, gọi là tiểu đối.  **c.** **Biện pháp đối sử dụng trong** văn vần (thơ, phú), văn biền ngẫu (câu đối, chiếu, cáo, hịch,…), văn xuôi.  **d. Đối trên các phương diện:**  + Về số lượng tiếng: bằng nhau giữa các vế đối  + Về từ loại: Các từ đối nhau phải cùng từ loại, DT-DT; ĐT-ĐT; TT-TT  + Về thanh điệu: T-B  + Về nghĩa: các từ đối nhau phải trái nghĩa hoặc cùng trường nghĩa, đồng nghĩa với nhau. |

**HOẠT ĐỘNG 2. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Sản phẩm học tập:** Các bài tập, bảng biểu mà Hs đã làm.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1,2 (SGK, trang 52,53). Chia lớp thành 4 nhóm.  + Nhóm 1,3: Bài tập 1.  + Nhóm 2,4: Bài tập 2.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Gv sử dụng phương pháp vấn đáp, gợi mở.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 6 nhóm thảo luận (Nhóm 1, 2 làm câu a; Nhóm 3,4 làm câu b; Nhóm 5,6 làm câu c)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trình bày trên giấy A0.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - Đại diện các nhóm lên trình bày  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đã hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho 4 nhóm sưu tầm 4 câu đối Tết, viết đoạn văn giới thiệu ở nhà lên giấy A0  **Bước 2: Hs treo và báo cáo sản phẩm**  **Bước 3: Các nhóm nhận xét chéo**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức (Sử dụng Rubric) | **Bài tập 1 (trang 51 SGK)**  a) Vế câu đối nhau: “Bên lở thì đục” – “bên bồi thì trong”.  → Cấu trúc đối về mặt nghĩa tương phản.  b) Cặp câu đối nhau:  - Lom khom dưới núi, tiều vài chú,  Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.  → Hai câu thơ đối ý với nhau (lom khom dưới núi – lác đác bên sông; tiều vài chú – chợ mấy nhà), cấu trúc đối về mặt nghĩa tương hỗ., bổ sung ý cho nhau.  - Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,  Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.  -> + Đối giữa 2 dòng thơ  + Về số lượng tiếng 7/7  + Về từ loại: Nhớ-Thương (ĐT-ĐT); Nước-Nhà (DT-DT); Đau-Mỏi (TT-TT)…  + Về thanh điệu: T-B; T-B; B-T…  + Về nghĩa: bổ sung ý nghĩa cho nhau  c) Cặp câu đối nhau:  - Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.  → Hai câu thơ đối ý với nhau (hơi gợn tí – khẽ đưa vèo), cấu trúc đối về mặt nghĩa tương hỗ., bổ sung ý cho nhau.  - Tầng mây lơ lửng, trời xanh ngắt,  Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo.  **Bài tập 2 (trang 51 SGK)**  \* Biện pháp đối được sử dụng trong đoạn trích:  -“Mai cốt cách”-“tuyết tinh thần”  - Khuôn trăng đầy đặn- nét ngài nở nang  - Mây thua nước tóc- tuyết nhường màu da  - Làn thu thuỷ- nét xuân sơn  - Hoa ghen thua thắm- liễu hờn kém xanh  \* Việc sử dụng biện pháp đối trong trong đoạn trích giúp người đọc hình dung rõ nét chân dung của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân:  - Cả hai đều mang vẻ đẹp chuẩn mực, lí tưởng của người phụ nữ phong kiến.  **Bài tập 3 (trang 51, 52 SGK)**  a) mạnh mẽ - to lớn, sự nguy hiểm – khó khăn, lũ bán nước – lũ cướp nước.  \* Tác dụng:  - Nội dung: + cho thấy sức mạnh của tình yêu nước nồng nàn của nhân dân ta, nó có thể giúp ta tạo nên một sức mạnh vô địch để chiến thắng kẻ thù.  + Khơi gợi tinh thần yêu nước trong lòng mỗi thế hệ.  - Nghệ thuật: + Câu văn giàu hình ảnh  + Tạo giọng điệu mạnh mẽ, tự hào…  b) Phong lưu về vật chất - phong phú về tinh thần, từng trải – nhẹ nhàng, kiên định – duyên dáng, hào hoa – thanh thoát, sang trọng – không xa hoa, cởi mở - không lố bịch, nhố nhăng.  → Tác dụng: + nhấn mạnh vẻ đẹp, nếp sống đầy văn hóa thanh lịch của người Hà Nội đã được hun đúc lại qua hàng ngàn năm.  + Khơi gợi niềm tự hào  + Tạo sự liên kết giữa các vế trong câu; sự đăng đối, hài hoà  c) sông kết vào với biển – sông tan biến vào trong biển; gắn kết với thế giới- tan biến vào thế giới.  → Tác dụng:+ nhấn mạnh sự “hòa nhập chứ không hòa tan” của con người khi bước vào giai đoạn hội nhập.  + Khiến cho câu văn giàu hình ảnh, giàu sức biểu đạt  + Tạo sự liên kết giữa các câu  + Tạo sự đăng đối, hài hoà.  **Bài tập 4 (trang 52 SGK)**  - HS viết bài ở nhà và lên lớp báo cáo sản phẩm |

**HOẠT ĐỘNG 3: CHỐT LẠI KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu:** Giúp Hs nhớ được những kiến thức lí thuyết cơ bản về nghệ thuật đối

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Gv: Theo em, có những kiến thức lí thuyết nào về nghệ thuật đối cần nhớ?  + Khái niệm phép đối?  +Các kiểu đối?  + Đặc điểm ?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Hs suy nghĩ  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Hs phát biểu  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  - Gv nhận xét, định hướng | \* **Khái niệm**: Đối là biện pháp tu từ, theo đó, người viết (người nói) xếp đặt những từ ngữ hoặc câu có đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp tương tự hoặc tương phản nhau ở những vị trí đối xứng trong câu hoặc trong văn bản để gợi ra một nội dung hoàn chỉnh, làm nổi bật một ý nghĩa nhất định.  **\* Các kiểu đối:**  + Đối giữa hai dòng thơ hoặc hai câu văn, gọi là trường đối (bình đối).  + Đối giữa các từ ngữ trong một dòng thơ hoặc một câu văn, gọi là tiểu đối.  **\* Đặc điểm:**  + Về số lượng tiếng: bằng nhau giữa các vế đối  + Về từ loại: Các từ đối nhau phải cùng từ loại, DT-DT; ĐT-ĐT; TT-TT  + Về thanh điệu: T-B  + Về nghĩa: các từ đối nhau phải trái nghĩa hoặc cùng trường nghĩa, đồng nghĩa với nhau. |

**HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu:**

- Chỉ ra một số dấu hiệu giúp học sinh nhận diện biện pháp nghệ thuật đối

- Vận dụng thực hành, củng cố

**b. Sản phẩm:** Bài làm của Hs

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Một số dấu hiệu giúp Hs nhận diện ra nghệ thuật đối:**  - Gv hỏi, phát vấn: Theo em, có những dấu hiệu nào trong ngữ liệu, giúp chúng ta phát hiện ra đoạn trích đó có sử dụng nghệ thuật đối?  - Hs suy nghĩ, trả lời  **2. Củng cố, mở rộng :**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Gv yêu cầu cả lớp làm bài tập  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - Hs suy nghĩ làm bài  ***\* Bước 3: Hs báo cáo kết quả***  ***\* Bước 4: Gv nhận xét, bổ sung*** | **1. Một số dấu hiệu giúp Hs nhận diện ra nghệ thuật đối:**  - Số lượng tiếng giữa các vế đối bằng nhau  - Có sự hài hoà, cân xứng, đối thanh giữa các vế  - Xuất hiện các cặp từ trái nghĩa hoặc cùng trường nghĩa  - Sự tương xứng về từ loại giữa các từ đối nhau (DT-DT; ĐT-ĐT; TT-TT)  **2. Củng cố, mở rộng :**  ***Bài tập: Anh/ chị hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối lập trong các ví dụ sau:***  *- Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,*  *Người khôn,người đến chốn lao xao.*  (Nguyễn Bỉnh Khiêm)  - *Tết đến, cả nhà vui như tết*  *Xuân về, mọi nẻo đẹp như xuân.* |

**\*Tài liệu tham khảo**

- SGK, SGV Ngữ văn 11, tập 1, Bộ Cánh Diều.

**PHIẾU HỌC TẬP**

**PHIẾU HT SỐ 1**

**(BÀI TẬP 1)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngữ liệu | Hình thức đối | | |
| Ngữ liệu (a) | Số lượng tiếng | Từ loại | Nghĩa |
|  |  |  |
|  |  |
| Ngữ liệu (b) |  |  |  |
| Ngữ liệu (c) |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**(BÀI TẬP 3)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NGỮ LIỆU** | **NGHỆ THUẬT ĐỐI** | **TÁC DỤNG** | |
| NỘI DUNG | NGHỆ THUẬT |
| a. |  |  |  |
| b. |  |  |  |
| c. |  |  |  |

****